TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2018.
"V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Oanh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Sơn Thị Vành Đa.**

2. Ông **Lý Thanh Chiều**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lý Thị M, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Tá B, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Sơn Ngọc H, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Tá B, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lý Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh H quen biết thương yêu nhau, sau đó được gia đình hai bên chấp thuận và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận

kết hôn ngày 27/5/2008, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi đám cưới chị M và anh H sống cùng cha mẹ ruột của chị M ngụ tại ấp Tá B, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng, vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm. Đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường ăn nhậu không quan tâm đến gia đình, từ đó bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Chị M và anh H có 02 con chung tên Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012, các con hiện đang sống chung với chị M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Lý Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M yêu cầu ly hôn với anh Sơn Ngọc H.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012 đến tròn 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Sơn Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như chị M trình bày, còn phần mâu thuẫn gia đình là anh H có nghi ngờ chị M có quan hệ tình cảm với người khác nhưng anh H không có chứng cứ. Qua yêu cầu của chị M, anh H không đồng ý ly hôn vì anh H vẫn còn thương vợ muốn vợ chồng cùng nhau chung sống và chăm sóc các con.

- Về con chung: Nếu Tòa giải quyết cho anh H và chị M ly hôn thì anh H không đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012 và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị M và anh Sơn Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 27/5/2008. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do xin ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị M và anh H chung sống với nhau có 02 người con chung. Tuy nhiên, chị M và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do chị M và anh H không tin tưởng lẫn nhau, từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã hòa giải động viên cho anh chị khắc phục những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị M cho rằng không thể chung sống với anh Huỳnh được, kiên quyết xin được ly hôn. Còn anh H không đồng ý ly hôn, anh H cho rằng còn thương vợ thương con, muốn vợ chồng hàn gắn lại cùng nhau chung sống và chăm sóc các con, nhưng tại phiên hòa giải ngày 15/12/2017 anh H trình bày: Nếu Tòa giải quyết cho anh Huỳnh và chị M ly hôn thì anh H không đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Sơn Lý Thùy T và Sơn Lý Minh T, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con, đều này cũng thể hiện vợ chồng đã có mâu thuẫn và anh H xét thấy không có khả năng hàn gắn với chị M, nên anh H yêu cầu được

nuôi con. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh H cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị M và anh H có 02 người con chung tên Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012, hiện đang do chị M nuôi chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con đến 18 tuổi. Còn anh H cũng yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, từ khi anh chị không còn sống chung với nhau cháu T và cháu T do chị M nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định về mặt vật chất cũng như tinh thần. Trong thời gian từ tháng 5/2015 đến ngày 15/12/2017 vợ chồng không còn sống chung, anh H thừa nhận không có liên lạc hay tới thăm chị M và các con. Tòa án có ghi ý kiến của Sơn Lý Thùy T, nếu cha mẹ phải ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với chị M, ngày 14/12/2017 Tòa án có tham khảo ý kiến của Phòng Văn hóa và thông tin huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng là cháu T và cháu T từ khi sinh ra do chị M nuôi dưỡng và chăm sóc, hơn nữa cháu T là con gái thì việc chị M chăm sóc thuận tiện hơn anh H. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt cháu T và cháu T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012 cho chị M nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H là người không trực tiếp nuôi con, nên anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012, mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị M và anh H thống nhất không có tài sản chung, nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị M là người có đơn xin ly hôn, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị M và anh Sơn Ngọc H.

2. Về con chung: Giao Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Sơn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Sơn Lý Thùy T, sinh ngày 25/5/2009 và Sơn Lý Minh T, sinh ngày 31/10/2012, mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007335 ngày 24/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND xã Phú M, huyện Mỹ T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*